

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN APEC VÀ TPP

Đầu tư trong và ngoài khu vực của các nước tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương và giữa các nước thành viên của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương với các nước và khu vực khác trên thế giới

1. Khái quát về các nước thành viên APEC và TPP

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - còn gọi là TPP) là một Hiệp định thương mại tự do nhiều bên, được ký kết với mục tiêu thiết lập một mặt bằng thương mại tự do chung cho các nước trong khu vực châu Á Thái Bình Dương mà cơ sở nền tảng là hiệp định thương mại của 4 nước Singapore, Chile, New Zealand, Brunei (Hiệp định P4) được ký kết ngày 3/6/2005, có hiệu lực từ 28/5/2006.

Mỹ muốn đàm phán để tham gia TPP vào tháng 9/2008, đến tháng 11/2008, các nước khác là Australia, Peru, Việt Nam cũng muốn tham gia là thành viên của TPP. Việt Nam tuyên bố tham gia vào TPP với tư cách thành viên đầy đủ ngày 13/11/2010. Đến tháng 2/2016 TPP đã có sự tham gia của 12 nước gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Mỹ, Singapore, Nhật Bản và Việt Nam. Hiện nay Colombia, Philippines, Thái Lan, Đài Loan (Trung Quốc) và Hàn Quốc đã bày tỏ sự quan tâm đến TPP.

Mục tiêu của TPP là sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các nước thành viên cùng với tăng cường dòng chảy vốn trên cơ sở xây dựng chặt chẽ mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia này, thông qua các biện pháp giảm, thậm chí loại bỏ hoàn toàn trong một số trường hợp các hàng rào thuế quan giữa các nước, giúp tăng cường trao đổi hàng hóa và dịch vụ.

Vấn đề đặt ra là các nước thành viên của TPP đều là thành viên của 21 nền kinh tế thành viên Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC), đây là nền kinh tế lớn có ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu, bởi chiếm 40% dân số toàn thế giới và gần 60% GDP toàn cầu. Hơn nữa, các nền kinh tế khu vực đều đang tăng trưởng nhanh chóng. Năm 2012, chín trong số 21 nền kinh tế này có mức tăng trưởng GDP trên 5%, trong khi mức tăng trưởng GDP của Mỹ chỉ có 2,2%. Cùng với những ảnh hưởng kinh tế đang gia tăng, các nền kinh tế này cũng chiếm một thị phần ngày càng tăng trong thương mại thế giới. Khu vực Châu Á có tầm quan trọng không chỉ là một thị trường mới nổi, mà

còn là một phần không thể tách rời của chuỗi giá trị toàn cầu. Các thành viên Đông Á, đã có mức liên kết khá cao thông qua giao thương hàng hóa trung gian và kéo Mỹ vào mạng lưới sản xuất phức tạp thuộc Thái Bình Dương.

Chính vì vậy, các nước thành viên TPP 12 nước hình thành nên nhóm các nước hiện đang tham gia đàm phán TPP có sự đa dạng về địa lý và kinh tế. Trong đó, Mỹ lớn hơn gấp 2 lần so với bất cứ nước tham gia TPP nào khác cả về khái niệm kinh tế và dân số của nước này. Nhật Bản, quốc gia tham gia TPP mới nhất và lớn thứ hai, có GDP và dân số chỉ đạt tương ứng 38% và 41% so với Mỹ. GDP/người theo sức mua tương đương (PPP) một công cụ cơ bản để đánh giá mức độ phát triển kinh tế của một quốc gia, xếp từ chỉ trên 3.500 USD tại Việt Nam lên trên 60.000 USD tại Singapore và Mỹ cao hơn mức đó 10.000 USD. Các nước này cũng có những thay đổi rất lớn về mặt địa lý. Bắt đầu từ Australia, một châu lục giàu tài nguyên và rộng lớn, cho đến Singapore, một quốc gia thành thị nhỏ phụ thuộc vào thương mại. Sự đa dạng về địa lý và kinh tế này được phản ánh cả trong hình thức và mật độ của thương mại và luồng đầu tư giữa Mỹ và các nước tham gia TPP.

Một TPP tiềm tàng có thể cho thấy cơ hội của Mỹ để mở rộng thương mại và đầu tư của mình với một thị trường khu vực tăng trưởng nhanh và rộng lớn. Các đối tác TPP khác ngoài Mỹ đã đại diện cho một thị trường tiềm năng với dân số lớn hơn 50% so với Mỹ và nhiều nền kinh tế TPP đã tăng trưởng nhanh chóng trong suốt thập kỷ qua. (ví dụ, tăng trưởng GDP trung bình từ năm 2002 - 2012 tại Việt Nam là 7,0%, tại Peru là 6,4%, tại Singapore là 5,9% và Malaysia là 5,1%). Thương mại của Mỹ và dòng chảy FDI với các nước này đã tăng khá mạnh. Xuất khẩu từ Mỹ sang các nước thành viên TPP tăng hơn 75% trong suốt thời kỳ này, vượt mức 159 tỷ USD trong dịch vụ năm 2011 và 689 tỷ USD trong hàng hóa năm 2012. Nhập khẩu Mỹ từ các nước thành viên TPP tăng lên hơn 50% từ năm 2002 với nhập khẩu dịch vụ gần 82 tỷ USD năm 2011 và nhập khẩu hàng hóa là 843 tỷ USD năm 2012. Luồng luân chuyển trong nước và ra nước ngoài hàng năm của dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) giữa Mỹ và các nước thành viên TPP năm 2011 đã cao hơn rất nhiều so với năm 2001, mặc dù có những dao động lên xuống trong suốt thập kỷ. Luồng FDI của Mỹ sang các nước thành viên TPP là 83 tỷ USD năm 2011 với luồng FDI chảy vào là 61 tỷ USD. Nguồn vốn của cả FDI Mỹ vào các nước thành viên TPP và FDI chảy

vào Mỹ từ các nước thành viên TPP đã gấp đôi kể từ năm 2002 (355 tỷ USD lên 843 tỷ USD và 270 tỷ USD lên 596 tỷ USD)

+ Đối với các thành viên TPP mới và tiềm năng

Trong những năm qua, TPP đã mở rộng cửa để thu nạp thêm các nền kinh tế khác. Tháng 5 năm 2011, các bộ trưởng thương mại TPP đã nhất trí “cân nhắc vai trò thành viên của bất cứ thành viên APEC nào nếu và khi các nước này sẵn sàng đáp ứng các chuẩn mực cao của Hiệp định này”. Tháng 11 năm 2011, Canada, Nhật Bản và Mexico tuyên bố dự định tìm tư vấn từ các thành viên hiện tại về khả năng tham gia đàm phán. Canada, Mexico trở thành thành viên chính thức vào cuối năm 2012 và Nhật Bản trở thành thành viên chính thức và tham gia đàm phán vào tháng 7 năm 2013. Hàn Quốc và Thái Lan cũng có những lợi ích rõ ràng trong việc tham gia đàm phán, các nước không thuộc khối APEC như Costa Rica và Colombia cũng bày tỏ nguyện vọng tham gia trong thời gian tới.

Sự tham gia gần đây của Canada, Nhật Bản và Mexico đã mở khá rộng quy mô của TPP về mặt thương mại với Mỹ. Sử dụng các số liệu thương mại từ năm 2011, thị phần thương mại dịch vụ và hàng hóa Mỹ liên quan đến các đối tác TPP đã gia tăng từ 5% lên 31% với sự bổ sung của Canada và Mexico, tăng hơn 36% với sự tham gia của Nhật Bản, mặc dù chưa thể diễn ra trong tương lai gần, song sự mở rộng hiệp định tiềm năng tới tất cả các nước APEC sẽ làm tăng thị phần của Mỹ lên 56%.

Sự tham gia của Nhật Bản vào Hiệp định có ý nghĩa đặc biệt. Nhật Bản là nền kinh tế lớn thứ ba trên thế giới, đối tác thương mại lớn thứ ba của Mỹ và không là thành viên của bất cứ FTA hiện hành nào với Mỹ, ngược lại với Canada và Mexico, là một phần của Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Nhật Bản hiện nay là nước lớn thứ hai tham gia TPP, cả về mặt dân số (128 triệu) và GDP (6 nghìn tỷ USD). Một số nhà phân tích thuyết phục rằng Hiệp định TPP với Nhật Bản sẽ thu hút các nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tiềm năng khác và đạt được mục đích mở rộng thành viên. Một số khác lại cho rằng sự tham gia của Nhật Bản có thể làm phức tạp tiến trình đàm phán, thêm một đối trọng kinh tế khá lớn với Mỹ và có thể làm chậm tốc độ của toàn bộ quá trình đàm phán. Lợi ích của Nhật Bản trong hiệp định có thể bị cản trở, một phần, trong việc duy trì tính cạnh tranh với Hàn Quốc ở thị trường Mỹ với

FTA Mỹ - Hàn Quốc (KORUS). Gần 70% nhập khẩu của Mỹ từ hai quốc gia thuộc khu vực Đông Bắc Á này chủ yếu gồm ba loại hàng hóa cùng loại: xe cộ, máy móc và máy móc điện tử.

2. Chính sách thương mại và đầu tư của các nước thành viên TPP

Chính sách thương mại hiện nay

Các thành viên tham gia TPP phụ thuộc vào rất nhiều loại hiệp định kinh tế và thương mại song phương, khu vực và đa phương. Có thể thấy rằng, tất cả các nước thành viên TPP là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), với sự tham gia gần đây nhất của Việt Nam năm 2007. Hơn nữa, các nước thành viên TPP có một số FTA khu vực và song phương đang có hiệu lực, ở nhiều cấp độ, với một số quốc gia đang là các đối tác đàm phán TPP. Mỹ đã có hiệp định thương mại tự do với 20 quốc gia bao gồm 6 thành viên TPP (Australia, Canada, Chile, Mexico, Peru và Singapore). Tóm lại, có hơn 180 hiệp định thương mại ưu đãi giữa các quốc gia thành viên, hầu hết trong số đó không bao gồm Mỹ. Đại diện thương mại Mỹ (USTR) đã coi TPP như một cơ hội để Mỹ thâm nhập sự gia tăng nhanh chóng này vào các hiệp định thương mại ưu đãi, với mục tiêu đảm bảo các hàng hóa và dịch vụ của Mỹ duy trì được tính cạnh tranh trong khu vực và Mỹ đóng một vai trò trung tâm trong phát triển khuôn khổ cho các đàm phán thương mại tự do khu vực trong tương lai. Với tiềm năng mở rộng thành viên TPP trong tương lai, khả năng ảnh hưởng tới sức mạnh và độ bao quát của hiệp định ở giai đoạn đầu có thể tương đối thuận lợi.

Mối quan hệ với Hợp tác kinh tế (APEC) với TPP

Các thành viên TPP là một phần của mạng lưới đối tác quốc tế rộng hơn trong khu vực. Diễn đàn Hợp tác kinh tế (APEC) là công cụ chủ yếu của mối tương tác khu vực rộng lớn hơn về các vấn đề thương mại và kinh tế trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Hội nghị cấp lãnh đạo APEC thường niên (lãnh đạo các nước) đem lại cơ hội cho các cổ đông toàn khu vực, bao gồm các lãnh đạo về kinh doanh và chính trị, vạch rõ những trở ngại trong khu vực đối với hợp nhất kinh tế và thương mại thông qua các cam kết không có ràng buộc. Mặc dù bản thân các tổ chức không đàm phán về các hiệp định thương mại, nhưng vẫn tuyên bố mục tiêu, được biết như “các mục tiêu Bogor”, bao gồm đầu tư và thương mại tự do hơn xuyên TPP như một bước hướng tới mục tiêu này. 21 thành viên của APEC bao gồm ba nền kinh tế lớn nhất trên thế giới và

bốn đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ suốt khu vực. Đặc biệt, APEC xem đây như một “vườn ươm” cho một khu vực thương mại tự do cuối cùng của châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP) và ủng hộ TPP như một bước hướng tới mục tiêu này, cả 21 thành viên của APEC bao gồm ba nền kinh tế lớn nhất thế giới và bốn đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ.

Chính sách về Hiệp định Thương mại tự do

Các thành viên của TPP có các FTA song phương, đa phương được thiết lập khắp châu Á - Thái Bình Dương và thế giới. Chín trong số 12 nước thành viên TPP đã có hiệp định được thiết lập hoặc đang đàm phán với Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới hiện vẫn chưa tham gia vào các vòng đàm phán TPP. Chín nước thành viên TPP, bao gồm cả Mỹ, cũng đã có hiệp định hoặc đang đàm phán với Liên minh châu Âu. Các nước thành viên TPP cũng đã liên kết với nhau thông qua các hiệp định thương mại hiện hữu của mình. Hình 7 chỉ ra rằng số các hiệp định có hiệu lực giữa các nước thành viên TPP thì Canada ở mức thấp nhất là 4 hiệp định thương mại tự do hiện có với các nước thành viên TPP, cho tới Chile có 10 hiệp định thương mại tự do được thiết lập bao quát toàn bộ các thành viên của TPP trừ Việt Nam hiện đang tiến hành đàm phán hiệp định thương mại tự do song phương. Hiệp định thương mại tự do giữa Brunei, Chile, New Zealand và Singapore đã được thực hiện như một điểm khởi đầu cho TPP hiện tại, được biết như Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (P-4) và ASEAN, đóng vai trò lớn trong sự liên kết này với sự tham gia của 4 nền kinh tế TPP vào Hiệp định thương mại tự do này. Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) gia nhập thêm 3 đối tác TPP gồm Canada, Mexico và Mỹ, chiếm hơn 50% toàn bộ giao thương hàng hóa của TPP. Mạng lưới tồn tại từ trước này của các hiệp định thương mại giữa các thành viên TPP đã cho thấy là các nước đang đàm phán có thể nhận thấy được những lợi ích từ TPP đã được ký kết vượt trên những lợi ích đạt được từ các hiệp định đa có của các nước này.

Mối quan hệ trong các Hiệp định đầu tư song phương

Mối quan hệ kinh tế quốc tế bao gồm các luồng đầu tư giữa các quốc gia, bên cạnh các giao thương về hàng hóa và dịch vụ. Những luồng đầu tư này có thể chịu các quy định khi đàm phán trong các hiệp ước đầu tư song phương (BITs) hoặc hiệp định thương mại tự do.

Giữa các thành viên của TPP, Malaysia là nước chủ động nhất trong đàm phán BITs, theo số liệu mới nhất của Liên Hiệp Quốc về các hiệp ước đầu tư quốc tế. Vào tháng 6/2012, Malaysia đã có 49 BITs có hiệu lực, trong khi Brunei và New Zealand có số hiệp ước đầu tư ít nhất tương ứng là 3 và 2 hiệp ước. Mỹ có 41 BITs có hiệu lực tính đến tháng 6/2012¹.

Chính sách thương mại của Mỹ và các nước thành viên TPP

Với những đa dạng về địa lý, dân số và phát triển kinh tế giữa các nước thành viên TPP nên loại hình và số lượng đầu tư và thương mại thay đổi khá lớn từ nước này sang nước khác. Thêm vào đó, cơ cấu thuế quan hiện hành giữa các nước thành viên TPP đã thể hiện sự khác biệt đối với mở cửa về thương mại và cũng thể hiện một số khó khăn cũng như cơ hội tiềm tàng đối với tự do hóa thương mại giữa các nước này.

Trong số các nước thành viên TPP khác, Australia và Singapore là những thị trường xuất khẩu chủ yếu của Mỹ, trong khi Malaysia, Singapore và Việt Nam là những thị trường nhập khẩu chủ yếu. Năm 2012, khoảng 111 tỷ USD hàng hóa của Mỹ xuất khẩu tới các nước thành viên TPP này, hơn một nửa đến từ Australia và Singapore, trong khi gần 70% của 95 tỷ USD nhập khẩu của Mỹ đến từ Malaysia, Singapore và Việt Nam. Trong thập kỷ qua, sự gia tăng khá lớn trong thương mại giữa Mỹ và một số nền kinh tế nhỏ hơn đã xuất hiện.

Chính sách thương mại song phương giữa Thương mại Mỹ với Peru và Chile đã tăng gấp bốn lần và thương mại của Mỹ với Việt Nam đã tăng gần gấp 8 lần. Sự gia tăng nhanh chóng của Việt Nam trong cung ứng hàng hóa cho Mỹ, chuyển dịch từ nhà cung cấp lớn thứ 7 lên thứ 2 cho hoạt động nhập khẩu của Mỹ trong số 8 nước thành viên TPP này, chiếm thêm thị phần trên thị trường Mỹ thậm chí hơn cả các đối tác FTA gần đây như Peru và Chile. Hầu hết sự gia tăng này phản ánh mối quan hệ thương mại đã được cải thiện giữa Việt Nam và Mỹ trong suốt thập kỷ qua. Mỹ đã công nhận quan hệ thương mại bình thường có điều kiện (NTR) năm 2001 và sau đó là tình trạng NTR vĩnh viễn (PNTR) năm 2006 khi Việt Nam tham gia vào WTO.

Trong 4 năm vừa qua, cán cân thương mại của Mỹ với 8 nước thành viên TPP này đã chuyển từ thâm hụt sang thặng dư. Sự thặng dư này có cả từ cắt giảm nhập khẩu và gia tăng xuất khẩu. Chỉ riêng năm 2011 nhập khẩu của Mỹ

¹ Data from United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD).

từ khu vực đã vượt định năm 2006 của nước này, trong khi xuất khẩu tăng hơn 35 tỷ USD trong cùng thời kỳ. Năm 2012, thặng dư thương mại hàng hóa Mỹ với 8 nước thành viên TPP này là hơn 15 tỷ USD, gấp hai lần thặng dư năm 2010 với 7,5 tỷ USD. Tác nhân chủ yếu cho sự gia tăng cán cân thương mại giữa Mỹ và 8 nước thành viên TPP nhỏ hơn này là giảm nhập khẩu của Mỹ từ Malaysia và xuất khẩu gia tăng nhanh chóng tới Australia, Chile, Peru và Singapore, cũng giống Canada và Mexico, hiện đang là đối tác của FTA với Mỹ.

Mối quan hệ giữa thương mại của các nước thành viên TPP

Trao đổi thương mại giữa các đối tác TPP là hơn 2 nghìn tỷ USD năm 2012. Với tư cách là quốc gia lớn nhất trong TPP, cả về mặt dân số và GDP, thương mại của Mỹ với các đối tác TPP chiếm phần lớn trong thương mại giữa các quốc gia TPP. Đặc biệt, thương mại giữa các nước NAFTA, Canada, Mexico và Mỹ, đã chiếm gần 1,2 nghìn tỷ USD năm 2012 - chiếm hơn một nửa thương mại nội bộ khu vực của TPP. Thương mại Mỹ với Nhật Bản, đối tác thương mại song phương lớn thứ ba trong TPP, chiếm 210 tỷ USD trong tổng thương mại nội bộ khu vực của TPP. Tuy nhiên, thương mại giữa các nước thành viên TPP với các thành viên khác của APEC vẫn lớn hơn thương mại giữa các thành viên TPP. Trao đổi thương mại này chiếm hơn 2,7 nghìn tỷ USD năm 2012. Thương mại giữa Trung Quốc và các nước thành viên TPP, ở mức trên 1,4 nghìn tỷ USD, chiếm hơn một nửa toàn bộ thương mại của TPP với các thành viên APEC khác. Về mặt trao đổi thương mại, sự mở rộng của TPP để tiếp nhận thêm các thành viên APEC khác sẽ làm gia tăng thương mại của các nước thành viên TPP hơn là gia tăng các hiệp (tỉnh ở bất cứ khu vực nào khác, bao gồm các Liên minh châu Âu (1,2 nghìn tỷ USD) và Mỹ La tinh (499 tỷ USD)).

Giống như các FTA của Mỹ trước đây TPP cũng bao gồm cả những quy định về đầu tư². Trong các Hiệp định thương mại tự do mà Mỹ đã thiết lập với sáu lượt thành viên TPP (Australia, Canada, Chile, Mexico, Peru và Singapore) bao gồm cả các quy định về đầu tư. Tuy nhiên, không có bất cứ hiệp ước đầu tư song phương (BITs) nào khác giữa Mỹ và các nước thành viên TPP còn lại.

² Xem thêm bài những điểm nổi bật của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Gần như toàn bộ các đối tác đầu tư hàng đầu của Mỹ trong TPP đã bao gồm trong các Hiệp định thương mại tự do hiện tại và tổng giá trị của đầu tư Mỹ tại các nước này vượt trên mức đầu tư của các nước này tại Mỹ. Tuy nhiên, Nhật Bản chưa ký kết FTA với Mỹ và chỉ tính riêng giữa các nước thành viên TPP, đầu tư của Nhật Bản tại Mỹ gần gấp 2 lần mức đầu tư của Mỹ vào Nhật Bản.

Luồng chảy FDI trong TPP vào Mỹ năm 2011 cho thấy Canada đã là đối tác đầu tư lớn nhất của Mỹ chiếm tới gần 40% tổng luồng FDI ra và vào Mỹ, Australia (22%), Nhật Bản (16%), Mexico (7%) và Singapore (7%) cũng thuộc nhóm các đối tác đầu tư hàng đầu của Mỹ trong số các nước thành viên TPP1. Luồng chảy FDI có thể thay đổi khá lớn theo từng năm. Từ năm 2010 tới năm 2011, FDI của Mỹ chảy vào các nước thành viên TPP tăng nhẹ từ 71 tỷ USD lên 83 tỷ USD, còn FDI chảy vào Mỹ từ các nước thành viên TPP gấp hơn 2 lần từ 28 tỷ USD lên 61 tỷ USD.



TTBD ĐBDC